TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2017/DS-ST
Ngày 26-9-2017
V/v tranh hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM- TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Văn Phi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Châu Ngọc Thạch

Bà Đoàn Thị Huyền Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Mỹ Hạnh - Thư ký tòa án Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa*:** Ông Bùi Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2016/TLST- DS ngày 15 tháng 11 năm 2016 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2017/QĐXXST-DS ngày 29/7/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị L, sinh năm 1970; nơi cư trú: Số 403 Trường Chinh, tổ dân phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (có mặt)

***2.** Bị đơn:* Bà Lê Thị Kim L.1 (có tên gọi khác là Lê Thị L.2), sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (có mặt)

3. Người làm chứng:

- Ông Phạm Ngọc S, sinh năm 1948 (có mặt)

- Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Cùng trú tại: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/7/2016 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị L trình bày:

Từ năm 2010 đến năm 2011, bà Phan Thị L cho bà Lê Thị Kim L.1 (tên gọi khác Lê Thị L.2) mượn tiền nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 16 tháng 01 năm 2010 cho mượn 60.000.000 đồng;

- Ngày 06 tháng 3 năm 2010 cho mượn 10.000.000 đồng;

- Ngày 14 tháng 4 (âm lịch) năm 2011 cho mượn 70.000.000 đồng.

Tổng cộng bà L đã cho bà L.1 mượn 140.000.000 đồng, trong các lần mượn tiền giữa các bên có lập Hợp đồng vay tiền, bà L.1 ký và ghi tên trong 03 hợp đồng vay tiền với tên Lê Thị L.1. Bà L đã nhiều lần yêu cầu bà L.1 trả nợ nhưng bà L.1 không trả. Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà L.1 phải trả số tiền 140.000.000 đồng, bà L không yêu cầu trả lãi.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Lê Thị Kim L.1 (Lê Thị L.2) trình bày:

Năm 2011, bà Lê Thị Kim L.1 (có tên gọi khác là Lê Thị L.2) có vay của bà Phan Thị L số tiền 150.000.000 đồng, bà L.1 đã trả được cho bà L 7.000.000 đồng và bà L có lấy của bà L.1 01 bộ ghế gỗ để trừ nợ, bà L.1 còn nợ bà L 140.000.000 đồng. Bà L.1 thừa nhận bà đã ký tên trong các Hợp đồng vay tiền với tên là Lê Thị L.2. Sau đó bà Loan đã đồng ý để cho vợ chồng ông Phạm Ngọc S, bà Nguyễn Thị K trả thay cho bà L.1 khoản nợ này. Vì vậy bà L.1 không đồng ý trả cho bà L tiền 140.000.000 đồng.

- Người làm chứng ông Phạm Ngọc S trình bày:

Vợ chồng ông Phạm Ngọc S tham gia chơi huê do bà Lê Thị Kim L.1 (Lê Thị L.2) làm cái, vợ chồng ông đã hốt huê nhưng chưa đóng tiền huê nên còn nợ tiền huê của bà L 245.000.000 đồng. Khoảng tháng 2 năm 2015 bà L.1 dẫn bà L đến gặp vợ chồng ông S và nói bà L.1 còn thiếu của bà L số tiền 245.000.000 đồng và yêu cầu vợ chồng ông S trả cho bà L số tiền này thay cho bà L.1, sau đó vợ chồng ông S đã trả số tiền 245.000.000 thay cho bà L.1. Về số tiền bà L.1 nợ bà L 140.000.000 đồng theo các giấy nợ ngày 16 tháng 01 năm 2010; ngày 06 tháng 3 năm 2010; ngày 14 tháng 4 (âm lịch) năm 2011 vợ chồng ông S không có cam kết trả thay cho bà L.1.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Căn cứ các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầy của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người làm chứng Nguyễn Thị K vắng mặt nhưng không ảnh hưởng đến việc xét xử, căn cứ khoản 2 Điều 229 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà Phan Thị L cho bà Lê Thị Kim L.1 (có tên gọi khác là Lê Thị L.2) vay tiền nhiều lần, hai bên có Hợp đồng vay tiền với số tiền là 140.000.000 (một trăm bốn mươi triệu) đồng. Bà L.1 thừa nhận có mượn số tiền 140.000.000 đồng của bà L và bà có ký và viết tên trong các Hợp đồng vay tiền các ngày 16 tháng 01 năm 2010, ngày 06 tháng 3 năm 2010, ngày 14 tháng 4 (âm lịch) năm 2011 với tên Lê Thị L.2.

[2.2] Bà L.1 cho rằng bà L đã đồng ý để vợ chồng ông Phạm Ngọc S, bà Nguyễn Thị K trả số nợ 140.000.000 đồng thay cho bà nhưng bà L.1 không chứng minh được nghĩa vụ trả nợ đã chuyển giao cho ông S, bà K.

Ông S, bà K có trả nợ thay cho bà L.1 nhưng đó là khoản nợ khác không liên quan đến khoản nợ bà L khởi kiện trong vụ án này.

Như vậy bà L yêu cầu bà L.1 phải trả số tiền 140.000.000 đồng theo các giấy nợ ngày 16 tháng 01 năm 2010; ngày 06 tháng 3 năm 2010; ngày 14 tháng 4 (âm lịch) năm 2011 là có căn cứ và phù hợp với các Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận; bà L không yêu cầu trả lãi nên không xét.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị Kim L.1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân; các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Lê Thị Kim L.1 (Lê Thị L.2) trả cho bà Phan Thị L số tiền 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng) đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Kim L.1 (Lê Thị L.2) phải chịu 7.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Phan Thị L 3.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2012/0002540 ngày 15/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lâm.

3. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Quy định: Kể từ ngày Phan Thị L có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Lê Thị Kim L.1 (Lê Thị L.2) chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy đinh tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Cam Lâm;
- Chị Cục THADS huyện Cam Lâm;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Phi